TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **183** /2023/KDTM - PT.
Ngày : 18/8/2023
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hoàng Minh Thành**

Các Thẩm phán: **Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh**

Bà Ngô Tuyết Băng

Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Ông Trần Chí Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 96/2023/TLPT - KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2022/KDTM-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận HM , thành phố Hà Nội đã bị người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm ngày 30/5/2023 Quyết định hoãn phiên tòa số 482/2023/QĐ-PT ngày 19/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 482/2023/QĐ-PT ngày 19/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng NN

Trụ sở: Số 2 Láng Hạ, phường TC , quận BĐ , Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Đ – Giám đốc NN Chi nhánh MĐ

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Hà Anh V, bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Lương Đình H, bà Nguyễn Thị Vân A– Cán bộ NN Chi nhánh MĐ

- Bị đơn: Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại QTTP

Trụ sở: Số 62, ngõ 897 đường GP , phường GB , quận HM , Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Hoa H – Giám đốc

Chỗ ở hiện tại: số 567E4 phố TM , phường TM , quận HM , Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Như Q – Giám đốc kinh doanh

Địa chỉ liên hệ: Liền kề số 83, sảnh B, chung cư HC 319 HT, phường BĐ, quận LB, Hà Nội

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L (Tức M) – sinh năm 1958; Ông Lê Đức K – Sinh năm 1953; cháu Lê Nguyên B – Sinh năm 2006; bà Trần Phương H – sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Số 87 phố PD , phường HT , quận HK , thành phố Hà Nội.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L : Luật sư Nguyễn Đại H – Công ty Luật TNHH F

Địa chỉ: Phòng 3110, Tòa nhà AB, số 97 TB, phường MĐ 2, quận NTL, Hà Nội

(Tại phiên tòa có mặt: Ông Lương Đình H, bà Nguyễn Thị Vân A, bà Nguyễn Thị L . Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng NN do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Giữa NN Chi nhánh MĐ và Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại QTTP (trước là công ty TNHH hai thành viên, nay đổi TC ty TNHH một thành viên Dịch Vụ Thương Mại QTTP) đã ký hợp đồng tín dụng với nội dung cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 1410-LAV-201700543 ngày 06/11/2017. Phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng số: 1410-LAV-201700543 ngày 06/11/2018 về việc gia hạn thời hạn của hạn mức tín dụng cùng 02 giấy nhận nợ số 1410-LDS-201801402 ngày 01/11/2018 và 1410-LDS-201801443 ngày 08/11/2018 kèm theo:

- Mục đích sử dụng vốn tín dụng: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017-2018;
- Hạn mức cấp tín dụng: 20.000.000.000 VND *(Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng chẵn);*
- Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức;
- Thời hạn cho vay: 04 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ (02 giấy nhận nợ)
- Lãi suất vay trong hạn: 08%/năm;

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn;
- Lãi chậm trả: 10%/năm.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho các khoản tiền vay trên, Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại QTTP đã dùng tài sản bảo đảm tiền vay để thế chấp tại NN Chi Nhánh MĐ : Bất động sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị L tại địa chỉ: 87 phố PD , phường HT , quận HK , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở Hồ sơ gốc số: 8924 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 26/05/1999, mang tên bà Nguyễn Thị L . Cụ thể như sau: Đất ở: Thửa đất số: 14731/1F, Tờ bản đồ số: C27 lập 1956, Diện tích: 36,20 m2. Hình thức sử dụng: Riêng: 36,20 m^2. Nhà ở: Một tầng, diện tích sử dụng 12,20m2, kết cấu tường gạch, mái ngói.

Ngày 30/10/2017, Bên nhận thế chấp là NN Chi nhánh MĐ do Ông Phạm Toàn T làm Phó Giám đốc là đại diện; Bên thế chấp là: bà Nguyễn Thị L cùng Bên vay là: Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại QTTP do Ông Nguyễn Hữu H làm Giám đốc là đại diện đã tiến hành ký hợp đồng thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 00788/2017, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/10/2017 nội dung như sau: Giá trị tài sản thế chấp là: 26.700.000.000đ. Số tiền vay tối đa là: 20.000.000.000 VND*;* Thời hạn thế chấp: kể từ ngày tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm cho đến khi Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại QTTP hoàn thành mọi nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi, phí khác) và các nghĩa vụ có liên quan đối với Ngân hàng và có thông báo giải chấp tài sản của Ngân hàng;

Ngày 31/10/2017, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh khu vực BĐ – HK – ĐĐ xác nhận ngày 01/11/2017.

Về việc thực hiện hợp đồng tín dụng: ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền trên thông qua hai giấy nhận nợ số 1410-LDS-201801443 ngày 08/11/2018 và giấy nhận nợ số 1410-LDS-201801402 ngày 01/11/2018. Tổng số tiền giải ngân là 20.000.000.000 đồng.

Về việc trả nợ gốc, lãi: Quá trình thực hiện hợp đồng, bên khách hàng vay đã thanh toán được cho Ngân hàng: 445.873.974 đồng tiền lãi đối với hai giấy nhận nợ số 1410-LDS-201801443 ngày 08/11/2018 và giấy nhận nợ số 1410-LDS-201801402 ngày 01/11/2018, sau đó khách hàng đã không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng. NN Chi nhánh MĐ đã nhiều lần làm việc trực tiếp, đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện và có văn bản yêu cầu Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại QTTP khắc phục khó khăn, thu xếp thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng số: **1410-LAV-201700543**, yêu cầu Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại QTTP và bà Nguyễn Thị L thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp quyền

sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 00788/2017, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/10/2017.

Tuy nhiên, tính đến nay, Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại QTTP vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Agribank, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Agribank, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của NN gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Agribank.

Do vậy, NN khởi kiện để yêu cầu Tòa án buộc:

Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại QTTP phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NN toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 30/9/2022 là: 30.486.107.412 đồng, trong đó:

- Số tiền gốc : 20.000.000.000 đồng
- Lãi trong hạn: 5.799.452.055 đồng
- Lãi quá hạn: 3.659.649.315 đồng
- Lãi phạt chậm trả: 1.027.006.042 đồng

Công ty TP phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: **1410-LAV-201700543**, cho đến ngày thực tế Công ty TP trả hết nợ gốc cho Agribank.

Nếu Công ty TP không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì NN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo của bà Nguyễn Thị L theo các hợp đồng bảo đảm nêu trên (Tại mục 2) để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại QTTP do ông Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Xác nhận có ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp vay vốn ngân hàng như trình bày của nguyên đơn. Công ty sẽ cố gắng thu xếp trả nợ cho ngân hàng theo lộ trình cụ thể, giải chấp tài sản cho Bà L . Đề nghị ngân hàng miễn giảm lãi. Công ty mong muốn giải quyết thông qua con đường hòa giải.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị L trình bày: bà không xác nhận dư nợ gốc và lãi như yêu cầu của Ngân hàng vì công ty TP mới là người ký hợp đồng tín dụng**.** Bà thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp, bà yêu cầu Tòa án đòi tiền công ty. Hiện nay, nhà thế chấp do bà quản lý, sử dụng và đầu tư, tầng 1 bà cho chị Trần Phương H thuê bán tạp hóa, hai bên chỉ thỏa thuận miệng không có giấy tờ.

Ông Lê Đức K , cháu Lê Bá Ba, bà Trần Phương H : đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2022/KDTM-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận HM đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Agribank. Buộc Công ty TP trả nợ cho NN theo hợp đồng tín dụng số 1410-LAV-201700543 ngày 06/11/2017. Phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng số: 1410-LAV-201700543 ngày 06/11/2018; Hai giấy nhận nợ số 1410-LDS-201801443 ngày 08/11/2018 và giấy nhận nợ số số 1410-LDS-201801402 ngày 01/11/2018 với số tiền gốc là: 20.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 5.799.452.055 đồng; Nợ lãi quá hạn 3.659.649.315 đồng. Tổng cộng gốc và lãi: 29.459.101.370 đồng.

Đình chỉ xét xử với yêu cầu đòi phạt chậm trả lãi của Ngân hàng.

Kể từ ngày 01/10/2022, Công ty TNHH Dịch vụ thương mại QTTP còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cùng các khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp Công ty TP không trả được nợ thì NN có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm mang tên bà Nguyễn Thị L

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.
Không đồng ý với bản án sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận HM với lý do Ngân hàng NN vi phạm đặc biệt nghiêm trọng về quy định cho vay và bà không đồng ý phát mại tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 14731/1F của gia đình bà.
Tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:
Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tạo điều kiện để thỏa thuận giải quyết vụ án nhưng các bên không thỏa thuận được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Các bên không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới.
- Người kháng cáo là bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Về phía bị đơn khi giao dịch đề xuất vay với ngân hàng là một người khác nhưng khi ký hợp đồng tín dụng lại là đại diện theo pháp luật của Công ty TP . Hiện nay, bà đã có đơn gửi cơ quan Công an để làm rõ bản chất của vụ việc này. Bà không phải là người vay nợ nên bà không có nghĩa vụ phải trả nợ của Ngân hàng. Việc Ngân hàng định giá nhà đất của bà tại 87 PD , HK , Hà Nội với giá 27 tỷ và giải ngân cho Công ty TP vay 20 tỷ là hết sức vô lý. Ngân hàng vi phạm đặc biệt nghiêm trọng về quy định cho vay nên bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc Ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 87 PD , HK , Hà Nội cho bà.
- Nguyên đơn là Ngân hàng NN trình bày: Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L . Về quá trình vay và ký hợp đồng tín dụng là đúng quy định, nguyên đơn đã cung cấp toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nên việc bà Nguyễn Thị L cho rằng Ngân hàng vi phạm quy định về cho vay là không đúng. Về việc thẩm định nhà đất thì bà Nguyễn Thị L cũng đã đồng ý và ký vào biên bản và không có thắc mắc, ý kiến và khiếu nại gì cho đến khi Ngân hàng khởi kiện. Về việc thế

chấp: Bà Nguyễn Thị L đã xác nhận là bà đã ký hợp đồng thế chấp. Việc ký hợp đồng thế chấp là do Bà L tự nguyện. Bà L không chứng minh được có sự ép buộc hoặc lừa dối khi ký hợp đồng thế chấp nên phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của Bà L đối với khoản nợ của Công ty TP . Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận HM , thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung kháng cáo:

Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp mà các đương sự ký kết là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Về quy trình cho vay của Ngân hàng đã thể hiện đầy đủ tại hồ sơ tín dụng Ngân hàng mà ngân hàng đã nộp đầy đủ tại Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm nên kháng cáo của Bà L về việc Ngân hàng vi phạm quy định về quy trình cho vay là không có căn cứ. Về việc ký hợp đồng thế chấp ngôi nhà 87 PD , HK , Hà Nội, Bà L cũng thừa nhận mình là người ký hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, Bà L cho rằng việc ký hợp đồng tín dụng là do bà bị lừa nhưng bà không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Bà L . Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Xét thấy, đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nằm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn là Công ty TNHH dịch vụ Thương Mại QTTP có trụ sở tại Số 62 ngõ 897 đường GP , phường GB , quận HM , Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận HM có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng chỉ có mặt đại diện nguyên đơn và bà Nguyễn Thị L . Bị đơn là Công ty TP (do bà Đỗ Thị Như Q) vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là ông Lê Đức K , cháu Lê Nguyên B , bà Trần Phương A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà L là luật sư Nguyễn Đại Hải đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật

tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2]. Về nội dung:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án với các lý do sau:

Ngân hàng vi phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định về cho vay, cụ thể: không có hồ sơ năng lực tài chính của Công ty TP , không có phương án kinh doanh, phương án trả nợ nên không có cơ sở nào để khẳng định trong 04 tháng Công ty TP thanh toán được toàn bộ nợ gốc và lãi của số tiền 20 tỷ đồng. Ngân hàng không xem xét tình hình thực tế kinh doanh của bị đơn, không yêu cầu bị đơn chứng minh phương án kinh doanh khả thi, không làm rõ mối quan hệ giữa người bảo lãnh và bị đơn. Số tiền vay không được sử dụng đúng mục đích là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Về việc thế chấp tài sản bảo đảm: bà không có quan hệ gì với Công ty TP mà chỉ có quan hệ với Công ty Hồng Phát. Việc ký hợp đồng thế chấp là do bà tuổi cao, mắt kém, tin tưởng bà Đỗ Thị Như Q và do bà Q giục nên đã ký mà không đọc kỹ nội dung. Tại phiên tòa hôm nay, Bà L lại có lời khai do có nhu cầu cần thiết để giải quyết khoản nợ khác đến hạn nên bà thông qua bà Đỗ Thị Như Q để vay tiền Ngân hàng và đã ký vào các văn bản thế chấp theo hướng dẫn của bà Q . Mặc dù biết số tiền Công ty TP vay là quá lớn (20 tỷ) nhưng để đảm bảo có tiền nên bà vẫn đồng ý ký mà không có ý kiến gì tại thời điểm ký. Vì vậy, bà không đồng ý với phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm về việc tuyên Ngân hàng có quyền xử lý tài sản đảm bảo là nhà đất của gia đình bà tại 87 PD , phường HT , thành phố Hà Nội.

Xét kháng cáo của Bà L , Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Ngày 06/11/2017, NN (nguyên đơn) và Công ty TP (bị đơn) đã ký hợp đồng tín dụng số 1410-LAV-201700543 với nội dung: Nguyên đơn cấp hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng cho bị đơn. Thời hạn cho vay là 04 tháng. Mục đích sử dụng vốn là Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017-2018. Đến ngày 06/11/2018, hai bên tiếp tục ký phụ lục hợp đồng tín dụng với nội dung gia hạn của hạn mức từ ngày 06/11/2018 đến ngày 06/2/2019.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã tiến hành giải ngân cho bị đơn tổng số tiền 20.000.000.000 đồng theo các Giấy nhận nợ sau:

- Giấy nhận nợ ngày 01/11/2018, bị đơn nhận nợ 4.900.000.000 đồng
- Giấy nhận nợ ngày 08/11/2018, bị đơn nhận nợ 15.100.000.000 đồng.

Tại bản khai ngày 02/11/2020 tại cấp sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng xác nhận việc ký hợp đồng tín dụng số 1410-LAV-201700543 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 06/11/2018 nêu trên, xác nhận dư nợ và nghĩa vụ trả nợ đối với bị đơn và đề nghị giải Tòa án quyết theo hướng thương lượng, hòa giải và mong muốn được nguyên đơn miễn giảm nợ lãi, lãi phạt để trả nợ và tất toán khoản vay.

Thấy rằng, hợp đồng tín dụng được lập thành văn bản, mục đích và nội dung các thỏa thuận đều tự nguyện, không vi phạm Điều cấm của pháp luật, có hình thức phù hợp với các quy định của pháp luật được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 và đều được các bên thừa nhận, tự nguyện ký kết và không có tranh chấp nên có hiệu lực thi hành.

Về kháng cáo của Bà L cho rằng: khi vay vốn thì bị đơn không có hồ sơ năng lực tài chính, không có phương án kinh doanh, phương án trả nợ nên không có cơ sở nào để khẳng định trong 04 tháng Công ty TP thanh toán được toàn bộ nợ gốc và lãi của số tiền 20 tỷ đồng. Để làm rõ nội dung này, Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu nguyên đơn xuất trình các tài liệu, chứng cứ có liên quan.

Thấy: Tại các tài liệu nguyên đơn nộp bổ sung tại Tòa án cấp phúc thẩm thể hiện:

Kèm theo Giấy nhận nợ ngày 01/11/2018, ngày 8/11/2018 và các tài liệu kèm theo thấy: ngày 15/10/2018 giữa Công ty TP và Công ty Công ty TNHH Đầu tư và phát triển công nghệ ITDJ có ký hợp đồng mua bán hàng hóa, theo đó Công ty TP mua của Công ty ITDJ một số máy móc thiết bị y tế là Máy X Quang, máy gây mê kèm thở, máy siêu âm màu 4D.. với tổng giá trị hợp đồng là 25.427.850.000 đồng. Công ty ITDJ đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng với số tiền nêu trên. Ngày 02/11/2018 và ngày 08/11/2018 Công ty TP đã có ủy nhiệm chi đề nghị nguyên đơn giải ngân toàn bộ số tiền vay cho Công ty ITDJ. Căn cứ vào đề nghị của bị đơn và các tài liệu kèm theo, Nguyên đơn đã giải ngân toàn bộ số tiền vào tài khoản của Công ty ITDJ là phù hợp.

Kèm theo hồ sơ vay vốn, bị đơn cũng nộp cho nguyên đơn phương án sử dụng vốn với các nội dung: phương án kinh doanh năm 2017-2018, hiệu quả tài chính, kết quả kinh doanh, tổng hợp chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh... Ngoài ra, bị đơn còn nộp cho nguyên đơn báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và các báo cáo tài chính.

Thấy rằng, hồ sơ tín dụng của bị đơn trong quá trình vay vốn tại nguyên đơn là đầy đủ và phù hợp với quy chế cho vay của nguyên đơn nên nguyên đơn giải ngân cho bị đơn là đúng quy định.

Như vậy, người kháng cáo cho rằng quá trình vay, bị đơn không có phương án kinh doanh, Ngân hàng không xem xét tình hình thực tế kinh doanh của bị đơn, không yêu cầu bị đơn chứng minh phương án kinh doanh khả thi là không có căn cứ. Mặt khác, quan hệ tín dụng là quan hệ cho vay giữa nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn đã xác nhận việc ký hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và xác nhận khoản nợ với nguyên đơn nên ý kiến của người kháng cáo không làm thay đổi bản chất vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn cũng như trách nhiệm trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn.

Từ những phân tích trên thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán nợ gốc với số tiền là 20.000.000.000 đồng là có căn cứ.

Về yêu cầu nợ lãi:

Tại hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận: Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Theo các giấy nhận nợ ngày 01/11/2018 và ngày 08/11/2018 đều thể hiện lãi suất cho vay là 8%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả là 10%/năm.

Tại đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu tiền lãi phạt chậm trả với số tiền là 1.027.006.042 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với số tiền này nên cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về lãi phạt của nguyên đơn là đúng quy định.

Đối chiếu với bảng kê tính lãi của nguyên đơn thấy: Mức lãi suất 8%/năm và lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn mà nguyên đơn áp dụng là phù hợp và đúng quy định nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn là có căn cứ và đúng quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 và luật các tổ chức tín dụng nên giữ nguyên.

Về việc thế chấp tài sản:

Ngày 30/10/2017, tại Văn phòng công chứng Đào Ngà nguyên đơn, bị đơn và Bà L đã ký hợp đồng thế chấp tài sản với nội dung sau:

Bà L (Tức M) tự nguyện dùng bất động sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của mình tại 87 phố PD , phường HT , quận HK , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 26/5/1999 cho bà Nguyễn Thị L , diện tích đất là 36,20m2, sử dụng riêng để thế chấp cho Ngân hàng (Agribank) để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bị đơn (Công ty TP) tại các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh đã, đang và sẽ được ký giữa nguyên

đơn và bị đơn trong đó số tiền gốc là 20.000.000.000 đồng. Bên thế chấp cam kết chấp nhận vô điều kiện toàn bộ nội dung của các hợp đồng tín dụng do nguyên đơn và bị đơn ký.

Tại các bản khai tại Tòa án hai cấp, Bà L xác nhận bà có ký hợp đồng thế chấp này. Tuy nhiên, bà cho rằng bà và Công ty TP không có quan hệ gì mà bà chỉ có quan hệ với Công ty Hồng Phát là Công ty mẹ của Công ty TP đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ quan hệ của bà với Công ty TP . Việc ký hợp đồng thế chấp bảo đảm cho khoản vay của Công ty TP là do bà tuổi cao, mắt kém, tin tưởng bà Đỗ Thị Như Q và do bà Q giục nên đã ký mà không đọc kỹ nội dung. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà L lại khai rằng do có nhu cầu cần tiền để giải quyết một khoản nợ khác đến hạn nên bà thông qua bà Q ký hợp đồng thế chấp để vay tiền. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Theo đăng ký kinh doanh của Công ty TP (thay đổi lần thứ 13 ngày 19/3/2019) không thể hiện Công ty TP có quan hệ Công ty mẹ Công ty Con đối với Công ty Hồng Phát hoặc ngược lại. Tại hợp đồng thế chấp ký ngày 30/10/2017 giữa ba bên là nguyên đơn, bị đơn và Bà L và lời khai của Bà L thể hiện Bà L xác nhận bà là người ký hợp đồng thế chấp. Việc ký hợp đồng thế chấp này là do bà tự nguyện, không bị ai ép buộc. Pháp luật không quy định việc người thế chấp tài sản phải có quan hệ (kể cả quan hệ xã hội cũng như quan hệ huyết thống hoặc quan hệ họ hàng...) với bên nhận bảo lãnh. Bà L cho rằng bà không có quan hệ gì với Công ty TP nhưng bà đã ký hợp đồng thế chấp thì phải chịu trách nhiệm với việc ký kết hợp đồng thế chấp này. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ thì nguyên đơn có quyền được phát mại quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất mang tên Bà L tại 87 PD , phường HT , Q. HK , Hà Nội là đúng các quy định tại các Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323 Bộ luật dân sự 2015.

Việc Bà L đề nghị Tòa án tạm đình chỉ xét xử vụ án này chơ cơ quan Công an giải quyết đơn tố cáo của bà liên quan đến vụ án này là không phù hợp với quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án chỉ tạm đình chỉ giải quyết vụ án khi cơ quan Công an có đơn khởi tố vụ án và có văn bản đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ việc và phải phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên yêu cầu này của Bà L không được chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với quy định của pháp luật pháp luật.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên!

- Căn cứ Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 148, điểm a khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 349 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị định 163/NĐ-CP và Nghị định 11/NĐ-CP của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L , giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2022/KDTM-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận HM , thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN đối với Công ty TNHH Dịch vụ thương mại QTTP .

Buộc Công ty TNHH Dịch vụ thương mại QTTP trả nợ cho Ngân hàng NN theo hợp đồng tín dụng số 1410-LAV-201700543 ngày 06/11/2017. Phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng số: 1410-LAV-201700543 ngày 06/11/2018; hai giấy nhận nợ số 1410-LDS-201801443 ngày 08/11/2018 và giấy nhận nợ số 1410-LDS-201801402 ngày 01/11/2018 tính đến ngày 30/9/2022 như sau:

- Nợ gốc: 20.000.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 5.799.452.055 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 3.659.649.315 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi: 29.459.101.370 đồng.

Đình chỉ xét xử với yêu cầu đòi phạt chậm trả lãi của Ngân hàng NN .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH Dịch vụ thương mại QTTP còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2. Trường hợp Công ty TNHH Dịch vụ thương mại QTTP không trả được nợ thì Ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 14731/1F, tờ bản đồ số C27 lập 1956, diện tích 36,20m2, địa chỉ: 87 phố PD , phường HT , quận HK , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở Hồ sơ gốc số: 8924 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 26/05/1999, mang tên bà Nguyễn Thị L .

3. Về án phí: Công ty TNHH Dịch vụ thương mại QTTP phải chịu 137.459.101 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng NN số tiền

64.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận HM , thành phố Hà Nội theo Biên lai số 5398 ngày 13/5/2020.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 03073 ngày 26/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận HM , thành phố Hà Nội. Bà Nguyễn Thị L còn phải nộp tiếp 1.700.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 18/8/2023.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Tòa án ND Q. HM ;
- Chi cục THADS Q. HM ;
- Đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Minh Thành